



# Grant Thornton

## **Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

# Nội dung

|                                                   | Trang |
|---------------------------------------------------|-------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc                          | 1     |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 3     |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ                 | 5     |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 7     |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ           | 8     |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ    | 9     |

# Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu ("Công ty"), tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày.

## Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

## Soát xét

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) soát xét.

## Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### Hội đồng Quản trị

| Thành viên          |                                    |
|---------------------|------------------------------------|
| Ông Trần Mạnh Hùng  | Chủ tịch                           |
| Ông Lê Đức Dũng     | Thành viên                         |
| Ông Phan Ngọc Vũ    | Thành viên                         |
| Ông Lâm Hoàng Giang | Thành viên                         |
| Ông Trần Anh Tú     | Thành viên                         |
| Ông Lê Hữu Lộc      | Thành viên                         |
| Ông Đỗ Tiến Đức     | Thành viên                         |
|                     | Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017 |
|                     | Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017   |

### Ban Kiểm soát

| Thành viên           |            |
|----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Linh | Trưởng ban |
| Bà Trần Thị Hạnh     | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Tuyết  | Thành viên |

### Ban Giám đốc

| Thành viên       |                                    |
|------------------|------------------------------------|
| Ông Lê Đức Dũng  | Tổng Giám đốc                      |
| Ông Phan Ngọc Vũ | Tổng Giám đốc                      |
|                  | Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017 |
|                  | Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017   |

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn chính sách kế toán thích hợp cùng với các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ;

- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 30 tháng 6 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Phan Ngọc Vũ**  
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 9 năm 2017



# Grant Thornton

## Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Grant Thornton (Vietnam) Limited  
Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình  
106 Hoàng Quốc Việt  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Việt Nam

T +84 24 3850 1686  
F +84 24 3850 1688  
W [www.grantthornton.com.vn](http://www.grantthornton.com.vn)

Số: 17-11-049-1

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu ("Công ty"), được lập vào ngày 14 tháng 9 năm 2017, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

#### ***Số dư khoản phải trả đầu kỳ***

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản phải trả Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung với số tiền là 71.829 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2017. Do hạn chế về thông tin, chúng tôi không thể xác định được tính chính xác và hiện hữu của số dư phải trả này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi cũng đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

3

đối với số dư phải trả này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và lỗ lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2017, cũng như ảnh hưởng có thể có của các vấn đề này đến tính so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu năm hiện tại.

#### **Số liệu so sánh**

Ngoài ra, các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư, hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán vào ngày 30 tháng 3 năm 2017. Đồng thời, các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam soát xét và đưa ra kết luận ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư vào ngày 15 tháng 8 năm 2016. Chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các báo cáo tài chính năm nay do ảnh hưởng có thể có của các vấn đề này đến tính so sánh của số liệu kỳ hiện tại với các số liệu so sánh.

#### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các của vấn đề nêu tại đoạn *Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ*, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 15, trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ những năm trước. Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng kỳ, Công ty đã không điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính của năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào các báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư, hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán và khoản phải trả Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung vào ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Đồng thời, các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam soát xét và đưa ra kết luận ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư vào ngày 15 tháng 8 năm 2016.



**CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)**

**Lê Thế Việt**

Giấy CN ĐKKH Kiểm toán số: 0821-2014-068-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 9 năm 2017

# Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

|                                     | Thuyết minh | Mã số | 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | 31 tháng 12 năm 2016<br>VNĐ<br>(Phân loại lại) |
|-------------------------------------|-------------|-------|----------------------------|------------------------------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                      |             |       |                            |                                                |
| Tài sản ngắn hạn                    |             | 100   | 213.882.398.050            | 220.193.252.134                                |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  |             | 110   | 118.658.011                | 171.251.410                                    |
| Tiền                                | 5           | 111   | 118.658.011                | 171.251.410                                    |
| Các khoản phải thu ngắn hạn         |             | 130   | 209.614.290.848            | 209.455.483.393                                |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng    | 6           | 131   | 106.546.882.476            | 104.470.742.508                                |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn    |             | 132   | 278.142.400                | 437.142.400                                    |
| Phải thu ngắn hạn khác              | 7           | 136   | 105.230.000.000            | 107.741.882.137                                |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi  | 8           | 137   | (3.204.355.000)            | (3.957.904.624)                                |
| Tài sản thiếu chờ xử lý             |             | 139   | 763.620.972                | 763.620.972                                    |
| Hàng tồn kho                        |             | 140   | 4.067.126.100              | 10.411.062.469                                 |
| Hàng tồn kho                        | 9           | 141   | 4.067.126.100              | 10.411.062.469                                 |
| Tài sản ngắn hạn khác               |             | 150   | 82.323.091                 | 155.454.862                                    |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ |             | 152   | 82.323.091                 | 155.454.862                                    |
| Tài sản dài hạn                     |             | 200   | 180.664.453.630            | 182.003.449.922                                |
| Các khoản phải thu dài hạn          |             | 210   | 130.000.000.000            | 130.000.000.000                                |
| Phải thu dài hạn khác               | 7           | 216   | 130.000.000.000            | 130.000.000.000                                |
| Tài sản cố định                     |             | 220   | 30.664.453.630             | 32.003.449.922                                 |
| Tài sản cố định hữu hình            | 10          | 221   | 30.664.453.630             | 32.003.449.922                                 |
| - Nguyên giá                        |             | 222   | 44.019.729.878             | 44.019.729.878                                 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế            |             | 223   | (13.355.276.248)           | (12.016.279.956)                               |
| Đầu tư tài chính dài hạn            |             | 250   | 20.000.000.000             | 20.000.000.000                                 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác      | 11          | 253   | 20.000.000.000             | 20.000.000.000                                 |
| <b>Tổng tài sản</b>                 |             | 270   | <b>394.546.851.680</b>     | <b>402.196.702.056</b>                         |

# Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

|                                                      | Thuyết<br>minh | Mã<br>số | 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | 31 tháng 12 năm 2016<br>VNĐ<br>(Phân loại lại) |
|------------------------------------------------------|----------------|----------|----------------------------|------------------------------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                     |                |          |                            |                                                |
| <b>Nợ phải trả</b>                                   |                | 300      | <b>160.655.481.787</b>     | 162.993.835.500                                |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                                   |                | 310      | <b>157.155.481.787</b>     | 159.493.835.500                                |
| Phải trả người bán ngắn hạn                          | 12             | 311      | 155.351.168.324            | 130.819.856.324                                |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn                    |                | 312      | 300.000.000                | 300.000.000                                    |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                  | 13             | 313      | 312.403.463                | 826.548.696                                    |
| Phải trả người lao động                              |                | 314      | 34.500.000                 | 34.500.000                                     |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                            |                | 315      | 140.000.000                | 140.000.000                                    |
| Phải trả ngắn hạn khác                               |                | 319      | 185.000.000                | 185.000.000                                    |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                    | 14             | 320      | 832.410.000                | 27.187.930.480                                 |
| <b>Nợ dài hạn</b>                                    |                |          | <b>3.500.000.000</b>       | 3.500.000.000                                  |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                     | 14             | 338      | 3.500.000.000              | 3.500.000.000                                  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                                |                | 400      | <b>233.891.369.893</b>     | 239.202.866.556                                |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                                | 15             | 410      | <b>233.891.369.893</b>     | 239.202.866.556                                |
| Vốn góp của chủ sở hữu                               | 16             | 411      | 238.880.000.000            | 238.880.000.000                                |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết             |                | 411a     | 238.880.000.000            | 238.880.000.000                                |
| (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               |                | 421      | (4.988.630.107)            | 322.866.556                                    |
| - (Lỗ)/LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |                | 421a     | (5.200.128.592)            | 5.116.911.024                                  |
| - Lợi nhuận/(Lỗ) kỳ này                              |                | 421b     | 211.498.485                | (4.794.044.468)                                |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>                                |                | 440      | <b>394.546.851.680</b>     | 402.196.702.056                                |

Hòa Bình, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 9 năm 2017

**PHAN NGỌC VŨ**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Tiến Thành**  
Kế toán trưởng

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

|                                                 | Thuyết minh | Mã số | Giai đoạn sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6 năm 2017<br>VND | Giai đoạn sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6 năm 2016<br>VND |
|-------------------------------------------------|-------------|-------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 18          | 01    | 81.841.237.712                                                     | 127.084.422.815                                                    |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                    |             | 02    | -                                                                  | -                                                                  |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 10    | 81.841.237.712                                                     | 127.084.422.815                                                    |
| Giá vốn hàng bán                                | 19,22       | 11    | (81.216.489.843)                                                   | (125.444.744.648)                                                  |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 20    | 624.747.869                                                        | 1.639.678.167                                                      |
| Doanh thu hoạt động tài chính                   |             | 21    | 8.529                                                              | 693.557                                                            |
| Chi phí bán hàng                                | 22          | 25    | (54.000.000)                                                       | (54.000.000)                                                       |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 21,22       | 26    | (2.028.337.537)                                                    | (1.478.430.900)                                                    |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         |             | 30    | (1.457.581.139)                                                    | 107.940.824                                                        |
| Thu nhập khác                                   | 20          | 31    | 1.669.079.624                                                      | 500.227.889                                                        |
| Lợi nhuận khác                                  |             | 40    | 1.669.079.624                                                      | 500.227.889                                                        |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               |             | 50    | 211.498.485                                                        | 608.168.713                                                        |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                     | 23          | 51    | -                                                                  | (126.717.076)                                                      |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                      | 23          | 52    | -                                                                  | -                                                                  |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN                         |             | 60    | 211.498.485                                                        | 481.451.637                                                        |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 17          | 71    | 9                                                                  | 20                                                                 |

Hòa Bình, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 9 năm 2017

**CP**  
**KHOÁNG SẢN**  
**LUYỆN KIM MÀU**

**Phan Ngọc Vũ**  
Tổng Giám đốc



**Nguyễn Tiến Thành**  
Kế toán trưởng

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

(phương pháp gián tiếp)

cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

|                                                                      |             | Cho giai đoạn                               | Cho giai đoạn                               |
|----------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|
|                                                                      | Thuyết minh | sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 | sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 |
|                                                                      |             | VND                                         | VND                                         |
|                                                                      |             |                                             | (Điều chỉnh lại)                            |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                       |             |                                             |                                             |
| Lợi nhuận trước thuế                                                 | 01          | 211.498.485                                 | 608.168.713                                 |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                     |             |                                             |                                             |
| Khấu hao và phân bổ                                                  | 02          | 1.338.996.292                               | 1.338.996.292                               |
| Các khoản dự phòng                                                   | 03          | (753.549.624)                               | 1.077.650.000                               |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                              | 05          | (8.529)                                     | (693.557)                                   |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b> | 08          | 796.936.624                                 | 3.024.121.448                               |
| Thay đổi các khoản phải thu                                          | 09          | 547.873.940                                 | (89.090.667.467)                            |
| Thay đổi hàng tồn kho                                                | 10          | 526.795.988                                 | (11.636.553.021)                            |
| Thay đổi các khoản phải trả                                          | 11          | 24.531.312.000                              | 87.772.351.774                              |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                    | 15          | (100.000.000)                               | -                                           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                 | 20          | 26.302.918.552                              | (9.930.747.266)                             |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                           |             |                                             |                                             |
| Tiền thu hồi cho vay                                                 | 24          | -                                           | 3.362.000.000                               |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                  | 27          | 8.529                                       | 693.557                                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                     | 30          | 8.529                                       | 3.362.693.557                               |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                        |             |                                             |                                             |
| Tiền thu từ đi vay                                                   | 33          | 169.000.000                                 | 38.250.000.000                              |
| Tiền trả nợ gốc vay                                                  | 34          | (26.524.520.480)                            | (31.478.000.000)                            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                  |             | (26.355.520.480)                            | 6.772.000.000                               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                                |             | (52.593.399)                                | 203.946.291                                 |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                               | 5           | 171.251.410                                 | 285.363.602                                 |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                              | 5           | 118.658.011                                 | 489.309.893                                 |

Hòa Bình, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 9 năm 2017

**CP KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU**

Phan Ngọc Vũ  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Thành  
Kế toán trưởng

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

## 1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu tiền thân là Công ty Cổ phần nhựa Hamico được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700382548, đăng ký lần đầu ngày 3 tháng 8 năm 2009, và các lần sửa đổi sau đó với Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp mới nhất, thay đổi lần thứ 8, ngày 20 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (sau đây gọi chung là "Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp").

Trụ sở chính của Công ty tại Km15, Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 238.880.000.000 đồng, được chia thành 23.888.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Buôn bán vật liệu trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác, chế biến khoáng sản; và
- Mua bán thực phẩm nông sản;

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 9 nhân viên (31 tháng 12 năm 2016: 9 nhân viên).

## 2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

### 2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

### Cơ sở lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng

báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

## 4. Chính sách kế toán áp dụng

### 4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo là VNĐ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ, ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

##### Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

##### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

|                        | Năm     |
|------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 |
| Máy móc thiết bị       | 3 - 10  |
| Phương tiện vận tải    | 6 - 10  |

#### 4.8 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

#### 4.9 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

#### 4.10 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

#### 4.11 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh vốn do chủ sở hữu đầu tư hiện có và tình hình tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu.

##### Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

#### 4.12 Doanh thu

##### **Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

##### **Lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỷ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

#### 4.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

#### 4.14 Lãi/Lỗ trên mỗi cổ phiếu

##### **Lãi/Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu**

Lãi/Lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phụ lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### 4.15 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và công ty mẹ cuối cùng của các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

#### 4.16 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

##### Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

#### 4.17 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

#### 4.18 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

#### 4.19 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                    | 30 tháng 6 năm 2017 | 31 tháng 12 năm 2016 |
|--------------------|---------------------|----------------------|
|                    | VNĐ                 | VNĐ                  |
| Tiền mặt           | 115.275.243         | 167.373.931          |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.382.768           | 3.877.479            |
|                    | <b>118.658.011</b>  | <b>171.251.410</b>   |

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                                  | 30 tháng 6 năm 2017    | 31 tháng 12 năm 2016   |
|------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                  | Giá trị<br>VNĐ         | Giá trị<br>VNĐ         |
| <b>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</b>                         |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (Thuyết minh 8)        | 4.577.650.000          | 4.577.650.000          |
| Công ty Cổ phần Phát triển INC                                   | 62.777.500.000         | -                      |
| Các khách hàng khác (Thuyết minh 8)                              | 7.583.693.713          | 7.808.353.745          |
|                                                                  | <b>74.938.843.713</b>  | <b>12.386.003.745</b>  |
| <b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh 25)</b> |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Bắc                       | 2.640.000.000          | 2.640.000.000          |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai          | 858.730.000            | 183.330.000            |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long        | 258.560.602            | 258.560.602            |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Bình                              | 6.466.654.300          | 6.466.654.300          |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận                | 21.384.093.861         | 82.536.193.861         |
|                                                                  | <b>31.608.038.763</b>  | <b>92.084.738.763</b>  |
|                                                                  | <b>106.546.882.476</b> | <b>104.470.742.508</b> |

## 7. Phải thu khác

|                                                      | 30 tháng 6 năm 2017    | 31 tháng 12 năm 2016   |
|------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                      | VNĐ                    | VNĐ                    |
| <b>Phải thu khác ngắn hạn</b>                        |                        |                        |
| Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng (1) (Thuyết minh 8)      | -                      | 2.511.882.137          |
| Tạm ứng cho các bên liên quan (Thuyết minh 24)       |                        |                        |
| - Ông Lê Hữu Lộc (2)                                 | 15.200.000.000         | 15.200.000.000         |
| - Bà Phạm Thị Hải Yến (3)                            | 87.030.000.000         | 87.030.000.000         |
| Tạm ứng cho cá nhân khác                             |                        |                        |
| - Ông Nguyễn Đình Trường (4)                         | 3.000.000.000          | 3.000.000.000          |
|                                                      | <b>105.230.000.000</b> | <b>107.741.882.137</b> |
| <b>Phải thu khác dài hạn</b>                         |                        |                        |
| Phải thu từ các đơn vị khác                          |                        |                        |
| - Công ty TNHH Kim cương Lai Châu (5)                | 21.000.000.000         | 21.000.000.000         |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Ba Đình (6) | 70.000.000.000         | 70.000.000.000         |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 24)       |                        |                        |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đồng Bắc (7)     | 39.000.000.000         | 39.000.000.000         |
|                                                      | <b>130.000.000.000</b> | <b>130.000.000.000</b> |
|                                                      | <b>235.230.000.000</b> | <b>237.741.882.137</b> |

(1) Phản ánh khoản phải thu tiền cổ tức từ Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng. Trong kỳ, Công ty đã thu hồi được khoản phải thu này đồng thời hoàn nhập toàn bộ dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập từ các năm trước.

(2) Phản ánh khoản tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc, thành viên Hội đồng Quản trị, để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 17/2015/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, theo đó Công ty tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc số tiền trong hạn mức 30 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng tối đa là 360 ngày kể từ ngày tạm ứng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 10.12/2016/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2016, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 360 ngày kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần.

(3) Phản ánh khoản tạm ứng 80 tỷ đồng cho bà Phạm Thị Hải Yến, nguyên trưởng phòng kinh doanh, để thực hiện mua 8.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết HĐQT số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 16/2015/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, theo đó tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến số tiền trong hạn mức 80 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng tối đa là 360 ngày kể từ ngày tạm ứng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 09.12/2016/NQ- HĐQT ngày 9 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết HĐQT số 12.12/2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 360 ngày kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư tạm ứng cho nội dung này là 35 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến để mua 100% vốn của Công ty TNHH Bình Minh 1 theo Nghị quyết số 01.04/2016/NQ- HĐQT ngày 1 tháng 4 năm 2016 với hạn mức 55 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng là 18 tháng kể từ ngày tạm ứng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư tạm ứng cho nội dung này là 52,03 tỷ đồng.

Đến ngày của báo cáo này, bà Phạm Thị Hải Yến đã hoàn ứng cho Công ty số tiền là 80 tỷ đồng;

(4) Phản ánh khoản tạm ứng 3 tỷ cho ông Nguyễn Đình Trường để mua 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Đồng Hà theo Nghị quyết HĐQT số 01.06/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 6 năm 2016, thời hạn tạm ứng 12 tháng kể từ ngày tạm ứng, hạn mức tạm ứng là 5 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 30.05/2017/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2017, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần.

(5) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2015/HĐHTKD ngày 1 tháng 4 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu và Công ty TNHH Kim cương Lai Châu để thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và khai thác khu đất tại Bản Chang, Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tổng số vốn là 60 tỷ đồng. Ngày 28 tháng 3 năm 2016, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 02.2015/TL/KSK, theo đó hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất tất toán hợp đồng số 02/2015/HĐHTKD và không thực hiện phân chia lãi lỗ cho khoản hợp tác đầu tư trên. Theo đó, Công ty TNHH Kim cương Lai Châu sẽ hoàn trả toàn bộ 30 tỷ cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu trong vòng 18 tháng kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số vốn Công ty TNHH Kim cương Lai Châu còn phải trả cho Công ty là 21 tỷ đồng.

(6) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 17/2014/HĐHKD ngày 28 tháng 8 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Ba Đình để thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư vào dự án Tổ hợp văn phòng, Dịch vụ thương mại và Nhà ở Thành An Tower của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển VDI Việt Nam, tại số 21 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Tổng số vốn là 140 tỷ đồng, mỗi bên góp 50%, phân chia lợi nhuận 50% - 50%, thời hạn hợp đồng là 3 năm kể từ ngày ký. Tại ngày của báo cáo này, Dự án này đang trong quá trình xây dựng và hai bên đang trong quá trình thương thảo để gia hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh thêm 3 năm nữa.

(7) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ngày 15 tháng 1 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Đông Bắc, công ty cùng thành viên quản lý chủ chốt, và Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu, mỗi bên góp 60 tỷ đồng để đầu tư mới hai dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm cùng với một bên thứ ba. Đến ngày của báo cáo này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu đã đầu tư 39 tỷ đồng, số vốn đầu tư còn lại, tương đương 21 tỷ đồng, theo Hợp đồng sẽ được góp theo thỏa thuận sau này giữa hai bên. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 10 năm tính theo năm dương lịch (12 tháng) bắt đầu từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel này được đầu tư hoàn chỉnh. Từ tháng 2 năm 2017, dây chuyền sản xuất gạch tuynel trên bắt đầu đi vào hoạt động và sản xuất sản phẩm, hai bên dự kiến sẽ thực hiện quyết toán phân chia lãi lỗ lần đầu cho khoản hợp tác đầu tư vào cuối năm 2017.

## 8. Nợ xấu

|                                           | 30 tháng 6 năm 2017  |                      |                      | 31 tháng 12 năm 2016 |                      |                      |
|-------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                                           | Giá trị có thể       |                      |                      | Giá trị có thể       |                      |                      |
|                                           | Giá gốc<br>VNĐ       | thu hồi<br>VNĐ       | Dự phòng<br>VNĐ      | Giá gốc<br>VNĐ       | thu hồi<br>VNĐ       | Dự phòng<br>VNĐ      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc | 4.577.650.000        | 1.373.295.000        | 3.204.355.000        | 4.577.650.000        | 2.288.825.000        | 2.288.825.000        |
| Ông Đinh Ngọc Dương                       | -                    | -                    | -                    | 413.138.555          | -                    | 413.138.555          |
| Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng               | 2.511.882.137        | 2.511.882.137        | -                    | 2.511.882.137        | 1.255.941.068        | 1.255.941.069        |
|                                           | <b>7.089.532.137</b> | <b>3.885.177.137</b> | <b>3.204.355.000</b> | <b>7.502.670.692</b> | <b>3.544.766.068</b> | <b>3.957.904.624</b> |

Chi tiết tăng, giảm các khoản dự phòng phải thu trong kỳ/ năm như sau :

|                            | 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | 31 tháng 12 năm 2016<br>VNĐ |
|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Số dư đầu kỳ/năm           | 3.957.904.624              | -                           |
| Tăng dự phòng trong kỳ/năm | 915.530.000                | 3.957.904.624               |
| Hoàn nhập dự phòng         | (1.669.079.624)            | -                           |
| Số dư cuối kỳ/năm          | <b>3.204.355.000</b>       | <b>3.957.904.624</b>        |

## 9. Hàng tồn kho

|                                     | 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | 31 tháng 12 năm 2016<br>VNĐ |
|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu               | 429.038.458                | 429.038.458                 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | -                          | 3.937.140.381               |
| Thành phẩm                          | 885.066.859                | 885.066.859                 |
| Hàng hóa                            | 2.753.020.783              | 5.159.816.771               |
|                                     | <b>4.067.126.100</b>       | <b>10.411.062.469</b>       |

## 10. Tài sản cố định hữu hình

|                               | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VNĐ | Máy móc<br>thiết bị<br>VNĐ | Phương tiện<br>vận tải<br>VNĐ | Tổng<br>VNĐ             |
|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                  |                            |                               |                         |
| 1 tháng 1 năm 2017            | 30.397.015.153                   | 8.243.231.990              | 5.379.482.735                 | <b>44.019.729.878</b>   |
| 30 tháng 6 năm 2017           | 30.397.015.153                   | 8.243.231.990              | 5.379.482.735                 | <b>44.019.729.878</b>   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                  |                            |                               |                         |
| 1 tháng 1 năm 2017            | (7.117.072.547)                  | (2.784.318.310)            | (2.114.889.099)               | <b>(12.016.279.956)</b> |
| Khấu hao trong kỳ             | (754.925.379)                    | (353.563.347)              | (230.507.566)                 | <b>(1.338.996.292)</b>  |
| 30 tháng 6 năm 2017           | (7.871.997.926)                  | (3.137.881.657)            | (2.345.396.665)               | <b>(13.355.276.248)</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                  |                            |                               |                         |
| 1 tháng 1 năm 2017            | 23.279.942.606                   | 5.458.913.680              | 3.264.593.636                 | <b>32.003.449.922</b>   |
| 30 tháng 6 năm 2017           | 22.525.017.227                   | 5.105.350.333              | 3.034.086.070                 | <b>30.664.453.630</b>   |

## 11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                        | 30 tháng 6 năm 2017 |           | 31 tháng 12 năm 2016 |           |
|----------------------------------------|---------------------|-----------|----------------------|-----------|
|                                        | Giá gốc             | Tỷ lệ vốn | Giá gốc              | Tỷ lệ vốn |
|                                        |                     | sở hữu    |                      | sở hữu    |
| (Thuyết minh 24)                       | VND                 | %         | VND                  | %         |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu |                     |           |                      |           |
| Xây dựng Gia Lai                       | 20.000.000.000      | 11,72     | 20.000.000.000       | 11,72     |

## 12. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                                    | 30 tháng 6 năm 2017    | 31 tháng 12 năm 2016   |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                    | VND                    | VND                    |
| <b>Phải trả người bán là bên thứ ba</b>                            |                        |                        |
| Công ty CP Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung              | 71.828.983.851         | 71.828.983.851         |
| Công ty TNHH Bô Công Anh Việt Nam                                  | 79.970.000.000         | -                      |
| Các đối tượng khác                                                 | 111.662.022            | 111.662.022            |
|                                                                    | <b>151.910.645.873</b> | <b>71.940.645.873</b>  |
| <b>Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 24)</b> |                        |                        |
| Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai                 | 242.350                | 18.422.242.350         |
| Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long               | -                      | 13.902.000.000         |
| Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận                       | 3.171.907.200          | 3.171.907.200          |
| Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái                | 268.372.901            | 23.383.060.901         |
|                                                                    | <b>3.440.522.451</b>   | <b>58.879.210.451</b>  |
|                                                                    | <b>155.351.168.324</b> | <b>130.819.856.324</b> |

## 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | 30 tháng 6 năm 2017 | 31 tháng 12 năm 2016 |
|----------------------------|---------------------|----------------------|
|                            | VND                 | VND                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 312.403.463         | 826.548.696          |

## 14. Vay và nợ thuê tài chính

|                                               | 30 tháng 6 năm 2017 |               |             | Trong kỳ         | 31 tháng 12 năm 2016 |                |
|-----------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------|------------------|----------------------|----------------|
|                                               | Số có khả           |               |             |                  | Số có khả            |                |
|                                               | Giá trị             | năng trả nợ   | Tăng        | Giảm             | Giá trị              | năng trả nợ    |
|                                               | VND                 | VND           | VND         | VND              | VND                  | VND            |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                           |                     |               |             |                  |                      |                |
| <i>Vay bên liên quan (1) (Thuyết minh 24)</i> |                     |               |             |                  |                      |                |
| Ông Lê Đức Dũng                               | 832.410.000         | 832.410.000   | 169.000.000 | (11.291.090.000) | 11.954.500.000       | 11.954.500.000 |
| Bà Phạm Thị Hải Yến                           | -                   | -             | -           | (13.943.000.000) | 13.943.000.000       | 13.943.000.000 |
| Ông Trần Kiên Cường                           | -                   | -             | -           | (1.290.430.480)  | 1.290.430.480        | 1.290.430.480  |
|                                               | 832.410.000         | 832.410.000   | 169.000.000 | (26.524.520.480) | 27.187.930.480       | 27.187.930.480 |
| <b>Vay dài hạn</b>                            |                     |               |             |                  |                      |                |
| <i>Vay bên liên quan (2) (Thuyết minh 24)</i> |                     |               |             |                  |                      |                |
| Công ty CP Đầu tư Thương mại                  |                     |               |             |                  |                      |                |
| Đồng Bắc                                      | 3.500.000.000       | 3.500.000.000 | -           | -                | 3.500.000.000        | 3.500.000.000  |
|                                               | 3.500.000.000       | 3.500.000.000 | -           | -                | 3.500.000.000        | 3.500.000.000  |
|                                               | 4.332.410.000       | 4.332.410.000 | 169.000.000 | (26.524.520.480) | 30.687.930.480       | 30.687.930.480 |

(1) Các khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn với thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng. Các khoản vay này đều không có lãi suất và tài sản đảm bảo.

(2) Khoản vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Bắc, cùng thành viên quản lý chủ chốt, theo hợp đồng vay số 20/03/2016/HDVV/KSK/DB ngày 20 tháng 3 năm 2016 cho mục đích xây dựng nhà máy. Khoản vay không chịu lãi suất, không tài sản đảm bảo và có thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày ký. Ngày 20 tháng 9 năm 2016, hai bên ký Phụ lục gia hạn hợp đồng vay số 01/PLGHVV/DB/KSK, theo đó, thời hạn vay được gia hạn 02 năm kể từ ngày ký. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay còn thời hạn 15 tháng.

## 15. Nguồn vốn chủ sở hữu

|                             | Lợi nhuận sau thuế                                |                 | Tổng                   |
|-----------------------------|---------------------------------------------------|-----------------|------------------------|
|                             | Vốn góp của chủ sở hữu chưa phân phối/(Lỗ lũy kế) |                 |                        |
|                             | VND                                               | VND             | VND                    |
| Số dư, 1 tháng 1 năm 2016   | 238.880.000.000                                   | 5.116.911.024   | <b>243.996.911.024</b> |
| Lỗ trong năm                | -                                                 | (4.794.044.468) | <b>(4.794.044.468)</b> |
| Số dư, 31 tháng 12 năm 2016 | 238.880.000.000                                   | 322.866.556     | <b>239.202.866.556</b> |
| Số dư, 1 tháng 1 năm 2017   | 238.880.000.000                                   | 322.866.556     | <b>239.202.866.556</b> |
| Lãi trong kỳ                | -                                                 | 211.498.485     | <b>211.498.485</b>     |
| Điều chỉnh (*)              | -                                                 | (5.522.995.148) | <b>(5.522.995.148)</b> |
| Số dư, 30 tháng 6 năm 2017  | 238.880.000.000                                   | (4.988.630.107) | <b>233.891.369.893</b> |

(\*) Trong kỳ, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ những năm trước (tăng chi phí khấu hao là 3.937 triệu đồng, xóa tài sản không hiện hữu là 1.880 triệu đồng, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả là 414 triệu đồng và xóa khoản trả trước cho nhà cung cấp là 120 triệu đồng). Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng kỳ, Công ty đã không điều chỉnh hồi tố vào các báo cáo tài chính của năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào các báo cáo của kỳ hiện tại.

## 16. Vốn cổ phần

Chi tiết góp vốn của các cổ đông như sau:

|                  | Vốn đã góp đến ngày<br>30 tháng 6 năm 2017 |               | Vốn đã góp đến ngày<br>31 tháng 12 năm 2016 |               |
|------------------|--------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------|---------------|
|                  | VND                                        | %             | VND                                         | %             |
| Bà Phạm Thị Hình | 15.639.000.000                             | 6,55          | 15.639.000.000                              | 6,55          |
| Các cổ đông khác | 223.241.000.000                            | 93,45         | 223.241.000.000                             | 93,45         |
|                  | <b>238.880.000.000</b>                     | <b>100,00</b> | <b>238.880.000.000</b>                      | <b>100,00</b> |

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, vốn cổ phần đăng ký của Công ty là 238.880 triệu đồng, được chia thành 23.880.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Chi tiết vốn cổ phần được phê duyệt và cổ phiếu đã phát hành như sau:

|                                                | 30 tháng 6 năm 2017<br>Số lượng cổ phiếu | 31 tháng 12 năm 2016<br>Số lượng cổ phiếu |
|------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>     | <b>23.888.000</b>                        | <b>23.888.000</b>                         |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng</b> | <b>23.888.000</b>                        | <b>23.888.000</b>                         |
| - Cổ phiếu phổ thông                           | 23.888.000                               | 23.888.000                                |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | -                                        | -                                         |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>         | <b>23.888.000</b>                        | <b>23.888.000</b>                         |
| - Cổ phiếu phổ thông                           | 23.888.000                               | 23.888.000                                |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | -                                        | -                                         |

## 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

|                                                                   |              | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2017 | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2016 |
|-------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông                           | Đơn vị VNĐ   | 211.498.485                                              | 481.451.637                                              |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ | Cổ phiếu     | 23.888.000                                               | 23.888.000                                               |
| Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu                                        | VNĐ/cổ phiếu | 9                                                        | 20                                                       |

Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ được xác định như sau:

|                                                                 | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2017 | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2016 |
|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|                                                                 | Cổ phiếu                                                 | Cổ phiếu                                                 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu kỳ quy đổi mệnh giá    | 23.888.000                                               | 23.888.000                                               |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ quy đổi mệnh giá | -                                                        | -                                                        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành cuối kỳ                    | 23.888.000                                               | 23.888.000                                               |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền                 | 23.888.000                                               | 23.888.000                                               |

## 18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                                                  | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>VNĐ |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Doanh thu hàng nông sản                                          | 80.786.000.000                                                  | -                                                               |
| Doanh thu hàng vật liệu xây dựng,<br>các sản phẩm từ khai khoáng | 1.055.237.712                                                   | 127.084.422.815                                                 |
|                                                                  | <b>81.841.237.712</b>                                           | <b>127.084.422.815</b>                                          |

## 19. Giá vốn hàng bán

|                                                                | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>VNĐ |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Giá vốn hàng nông sản                                          | 80.439.639.362                                                  | -                                                               |
| Giá vốn hàng vật liệu xây dựng,<br>các sản phẩm từ khai khoáng | 776.850.481                                                     | 125.444.744.648                                                 |
|                                                                | <b>81.216.489.843</b>                                           | <b>125.444.744.648</b>                                          |

## 20. Thu nhập khác

|                                              | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>VNĐ |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Dự phòng phải thu khó đòi hoàn nhập trong kỳ | 1.669.079.624                                                   | -                                                               |
| Xóa sổ khoản phải trả nhà cung cấp           | -                                                               | 500.227.889                                                     |
|                                              | <b>1.669.079.624</b>                                            | <b>500.227.889</b>                                              |

## 21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                                   | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>VNĐ |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                         | 153.000.000                                                     | 153.000.000                                                     |
| Chi phí khấu hao                                  | 863.222.437                                                     | -                                                               |
| Dự phòng phải thu khó đòi trích lập thêm trong kỳ | 915.530.000                                                     | 1.077.650.000                                                   |
| Chi phí quản lý khác                              | 96.585.100                                                      | 247.780.900                                                     |
|                                                   | <b>2.028.337.537</b>                                            | <b>1.478.430.900</b>                                            |

## 22. Chi phí sản xuất theo yếu tố

|                                                   | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2017<br>VNĐ | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2016<br>VNĐ |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Chi phí nhân công                                 | 80.740.715.988                                                  | 207.000.000                                                     |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                       | 1.054.313.347                                                   | 1.338.996.292                                                   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                         | 491.682.945                                                     | 6.711.111.238                                                   |
| Dự phòng phải thu khó đòi trích lập thêm trong kỳ | 915.530.000                                                     | 1.077.650.000                                                   |
| Chi phí khác                                      | 96.585.100                                                      | 17.555.300                                                      |
|                                                   | <b>83.298.827.380</b>                                           | <b>9.352.312.830</b>                                            |

## 23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất thuế TNDN chung trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế TNDN chung là 22% trong các năm 2014 và 2015 và 20% cho các năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính toán như sau:

|                                              | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2017 | Giai đoạn sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6 năm 2016 |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|                                              | VND                                                      | VND                                                      |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>     | <b>211.498.485</b>                                       | 608.168.713                                              |
| <i>Điều chỉnh cho:</i>                       |                                                          |                                                          |
| Chi phí không được khấu trừ                  | -                                                        | 25.416.665                                               |
| <b>Thu nhập chịu thuế hiện hành ước tính</b> | <b>211.498.485</b>                                       | 633.585.378                                              |
| Bù trừ lỗ lũy kế mang sang                   | (211.498.485)                                            | -                                                        |
| Thuế suất thuế TNDN                          | 20%                                                      | 20%                                                      |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>           | <b>-</b>                                                 | 126.717.076                                              |

Việc tính chi phí thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Lỗ thuế có thể được mang sang để khấu trừ vào các khoản thu nhập chịu thuế của các năm sau trong vòng 5 năm kể từ năm Công ty phát sinh lỗ. Số tiền thực tế của khoản lỗ thuế trên có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả quyết toán thanh tra thuế được thực hiện bởi cơ quan thuế địa phương.

Lỗ chịu thuế ước tính được mang sang để khấu trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau là như sau:

| Năm  | Tình trạng quyết toán thuế | Lỗ chịu thuế<br>VND | Lỗ đã sử dụng<br>VND | Lỗ mang sang<br>VND | Năm quá hạn |
|------|----------------------------|---------------------|----------------------|---------------------|-------------|
| 2016 | Chưa quyết toán            | (4.607.006.328)     | 211.498.485          | (4.395.507.843)     | 2021        |

Tài sản thuế hoãn lại tính trên khoản lỗ có thể mang sang các năm tiếp theo không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 vì chưa có cơ sở chắc chắn rằng khoản lợi ích trong tương lai của tài sản đó sẽ được thực hiện. Ngoài ra, thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## 24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

| Các bên có liên quan                                                        | Quan hệ                          | Bản chất              | Giai đoạn sáu tháng<br>kết thúc ngày | Giai đoạn sáu tháng<br>kết thúc ngày |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|                                                                             |                                  |                       | 30 tháng 6 năm 2017                  | 30 tháng 6 năm 2016                  |
|                                                                             |                                  |                       | VND                                  | VND                                  |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình                                         | Cùng thành viên quản lý chủ chốt | Bán hàng hóa          | -                                    | 375.000.000                          |
|                                                                             |                                  | Mua hàng hóa          | -                                    | 37.697.657.560                       |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Cổ đồng lớn là thành viên Bình Thuận | Chủ chốt của công ty kia         | Bán hàng hóa          | 18.192.500.000                       | 105.578.358.055                      |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai                     | Công ty liên doanh, liên kết     | Bán hàng hóa          | 614.000.000                          | 21.113.584.760                       |
|                                                                             |                                  | Mua hàng hóa          | -                                    | 30.920.958.500                       |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long                   | Cùng thành viên quản lý chủ chốt | Mua hàng hóa          | -                                    | 15.820.000.000                       |
| Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái                         | Cùng thành viên quản lý chủ chốt | Mua hàng hóa          | 243.920.000                          | 28.231.862.950                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc                                  | Cùng thành viên quản lý chủ chốt | Hợp tác kinh doanh    | -                                    | 39.000.000.000                       |
| Ông Lê Đức Dũng                                                             | Tổng Giám đốc                    | Thu hồi khoản cho vay | -                                    | 3.362.000.000                        |
| Bà Phạm Thị Hải Yến                                                         | Trưởng phòng Kinh doanh          | Tạm ứng               | -                                    | 52.030.000.000                       |
|                                                                             |                                  | Hoàn ứng              | -                                    | 40.000.000.000                       |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có số dư với các bên liên quan về phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải trả người bán ngắn hạn và vay ngắn hạn lần lượt được trình bày tại các thuyết minh số 6, 7, 11, 12 và 14.

## 25. Thù lao của Ban Giám đốc

Trong kỳ, thành viên Ban Giám đốc nhận được thù lao như sau:

|                  | Giai đoạn sáu tháng<br>kết thúc ngày | Giai đoạn sáu tháng<br>kết thúc ngày |
|------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
|                  | 30 tháng 6 năm 2017                  | 30 tháng 6 năm 2016                  |
| Lương và phụ cấp | 36.000.000                           | 36.000.000                           |

## 26. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ này như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:**

|                                         | Theo báo cáo trước đây | Phân loại lại    | Số liệu trình bày lại |
|-----------------------------------------|------------------------|------------------|-----------------------|
|                                         | VNĐ                    | VNĐ              | VNĐ                   |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 20.000.000.000         | (20.000.000.000) | -                     |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác          | -                      | 20.000.000.000   | 20.000.000.000        |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn       | 30.687.930.480         | (3.500.000.000)  | 27.187.930.480        |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn        | -                      | 3.500.000.000    | 3.500.000.000         |

### **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, theo báo cáo trước đây đã được lập theo phương pháp trực tiếp, đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp để phù hợp với cách trình bày của kỳ này.

## 27. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày.

## 28. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Hòa Bình, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 9 năm 2017

  
Phan Ngọc Vũ  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Thành  
Kế toán trưởng

